

## THÔNG BÁO

### Công khai tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam thông báo công khai tình hình thực hiện thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 đến thời điểm 20/3/2018, cụ thể như sau:

#### I. Các văn bản triển khai thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đã có Công văn số 3178/UBND-KT ngày 03/11/2017 về việc triển khai kế hoạch thực hiện Kết luận của kiểm toán NSDP năm 2016 tại tỉnh Hà Nam.

- Sở Tài chính có Kế hoạch số 2617/KH-STC ngày 20/11/2017 triển khai thực hiện kiến nghị Kiểm toán NSDP năm 2016 của tỉnh Hà Nam và các công văn đôn đốc gửi trực tiếp cho các đơn vị có những nội dung kiểm toán kiến nghị và báo cáo kết quả về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Kiểm toán NN khu vực I.

#### II. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 đến ngày đến ngày 20/03/2018

##### 1. Tổng hợp tình hình thực hiện kiến nghị xử lý tài chính

Đơn vị tính: đồng

STT	Kiến nghị xử lý tài chính	Kiến nghị xử lý (đ)	Kiến nghị đã xử lý (đ)	Kiến nghị chưa xử lý (đ)	Tỷ lệ % thực hiện	Ghi chú
I	Nộp vào NSNN các khoản KTNN xác định	27.215.175.686	8.421.330.868	18.793.844.818	31	
1	Các khoản thuế, phí lệ phí	10.669.263.323	3.613.613.212	7.055.650.111	34	Phụ lục số 08, 8a/BCKT-NSDP
	- Thuế GTGT	2.377.098.038	1.553.367.944	823.730.094	65	

STT	Kiến nghị xử lý tài chính	Kiến nghị xử lý (đ)	Kiến nghị đã xử lý (đ)	Kiến nghị chưa xử lý (đ)	Tỷ lệ % thực hiện	Ghi chú
	- Thuế TNDN	7.876.427.414	1.644.507.397	6.231.920.017	21	
	- Thuế tài nguyên	36.955.200	36.955.200	-	100	
	- Phí bảo vệ môi trường	378.782.671	378.782.671	-	100	
2	Các khoản chi sai chế độ	4.667.810.261	115.188.328	4.552.621.933	2	
	- Chi đầu tư XDCB:	4.592.264.933	39.643.000	4.552.621.933	1	Phụ lục số 07, 09/BCKT-NSDP
	- Chi thường xuyên:	75.545.328	75.545.328	-	100	Phụ lục 09/BCKT-NSDP, Mục II, Phụ lục số 09a1/BCKT-NSDP
3	Các khoản phải nộp nhưng chưa nộp:	2.064.725.595	821.818.300	1.242.907.295	40	Phụ biểu số 09, 06a
	- Chi đầu tư XDCB:	337.485.495		337.485.495	-	Mục IV, Phụ lục số 09a/BCKT-NSDP
	- Chi thường xuyên:	1.727.240.100	821.818.300	905.421.800	48	Mục I, Phụ lục số 09a1/BCKT-NSDP
4	Kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi nộp trả ngân sách trung ương	3.870.418.000	2.526.000.000	1.344.418.000	65	Mục III Phụ lục 9a, Mục III Phụ lục số 09a1/BCKT-NSDP
	- Kinh phí hỗ trợ ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi	2.526.000.000	2.526.000.000	-	100	
	- Số dư tạm ứng nguồn TPCP từ 2010	1.344.418.000		1.344.418.000	-	
5	Tiền sử dụng đất	5.942.958.507	1.344.711.028	4.598.247.479	23	
	- Dự án Khu hồ A1	4.598.247.479		4.598.247.479	-	
	- Dự án Sân vận động Đồng Văn	1.344.711.028	1.344.711.028	-	100	
II	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	11.961.175.414	8.238.028.130	3.723.147.284	69	Phụ lục số 08
III	Giảm lỗ chuyển kỳ sau của đơn vị được kiểm tra	171.794.996	109.090.909	62.704.087	64	Phụ lục số 8a/BCKT-NSDP
IV	Giảm trừ thanh toán, cấp phát năm sau, hủy dự toán	25.705.837.966	18.313.725.025	7.392.112.941	71	

STT	Kiến nghị xử lý tài chính	Kiến nghị xử lý (đ)	Kiến nghị đã xử lý (đ)	Kiến nghị chưa xử lý (đ)	Tỷ lệ % thực hiện	Ghi chú
	- Kinh phí đầu tư XDCB:	12.447.146.621	5.055.033.680	7.392.112.941	41	Phụ lục số 07, 09/BCKT-NSDP
	- Kinh phí thường xuyên:	13.258.691.345	13.258.691.345	-	100	Phụ lục số 09/BCKT-NSDP, Mục IV, Phụ lục số 09a1/BCKT-NSDP
V	Giảm trừ giá trị dự toán, hợp đồng của các dự án	2.667.928.606	2.654.982.181	12.946.425	100	Phụ lục số 07, 09/BCKT-NSDP
VI	Điều chỉnh giảm giá trị công trình đối với các chủ đầu tư Dự án BT khi quyết toán	14.006.465.013	1.344.711.028	12.661.753.985	10	Mục II, phần B, Phụ lục số 09a/BCKT-NSDP
	- Dự án Khu hồ A1	12.661.753.985		12.661.753.985	-	Phụ biểu số 08
	- Dự án Sân vận động Đồng Văn	1.344.711.028	1.344.711.028	-	100	Mục I.2; I.3; I.4 g tại Phụ biểu số 07
	<b>Tổng kiến nghị xử lý tài chính</b>	<b>81.728.377.681</b>	<b>39.081.868.141</b>	<b>42.646.509.540</b>	<b>48</b>	

Tổng kiến nghị xử lý tài chính của Kiểm toán nhà nước là: 81.728.377.681 đồng

- Số kiến nghị đã thực hiện: 39.081.868.141 đồng đạt 48%

- Số kiến nghị chưa thực hiện: 42.646.509.540 đồng đạt 52%

(chi tiết theo các mẫu biểu đính kèm)

**2. Các kiến nghị khác của KTNN:** Tổng số kiến nghị 711.922.828.882 đồng

- Số đã thực hiện: 329.990.393.911 đồng đạt 46,35 %

- Số chưa thực hiện: 381.932.434.971 đồng đạt 53,65 %

(chi tiết theo các mẫu biểu đính kèm)

**3. Kiến nghị các đơn vị được kiểm toán điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo quyết toán theo ý kiến kết luận của Kiểm toán Nhà nước**

Các đơn vị đã thực hiện điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo quyết toán theo chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của sở Tài chính.

**4. Kiến nghị chấn chỉnh quản lý ngân sách, tiền và tài sản nhà nước**

4.1. Trong lĩnh vực quản lý thu ngân sách

Kiến nghị: Xây dựng dự toán các khoản thu nội địa đảm bảo mức phân đầu tăng bình quân theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Thực hiện: Năm 2017, Sở Tài chính đã tham mưu ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2018 theo đúng chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ (Công văn 1457/STC-QLNS ngày 27/7/2017 của Sở Tài chính)

#### 4.2. Trong lĩnh vực chi ngân sách

a) Kiến nghị: Đề nghị Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh giao dự toán dự phòng cho huyện và huyện giao dự toán dự phòng cho xã đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

Thực hiện: Năm 2018, sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh giao dự toán dự phòng cho huyện và huyện giao dự toán dự phòng cho xã đảm bảo tỷ lệ theo quy định (QĐ giao dự toán số số Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Hà Nam)

b) Kiến nghị: UBND tỉnh rút kinh nghiệm trong việc:

- Kiến nghị: Xây dựng phương án trả nợ vay đảm bảo mức dư nợ vay theo quy định của Luật NSNN để trình HĐND xem xét quyết định

Thực hiện: Năm 2018, Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh giao dự toán trả nợ vốn vay số tiền 131.250 triệu đồng theo đúng quy định (QĐ giao dự toán Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Hà Nam)

- Kiến nghị: tạm ứng Quỹ phát triển đất cho các dự án từ năm 2012 đến 2015 chưa thu hồi về Quỹ 120.325.388.000 triệu đồng.

Thực hiện: Năm 2017, Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi nguồn kinh phí ứng 29.122,165 triệu đồng, số còn lại Sở Tài chính tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện thu hồi theo đúng quy định.

- Kiến nghị: Chưa trình với HĐND tỉnh về việc giao chỉ tiêu lao động chuyên trách dân số tại các xã dẫn đến các đơn vị phải hợp đồng ngoài chỉ tiêu.

Thực hiện: Quyết định số 1998/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả xét tuyển, xét tuyển đặc cách và công nhận danh sách trúng tuyển viên chức đối với cán bộ trạm y tế và cán bộ chuyên trách dân số - kế hoạch hoá gia đình năm 2017.

c) Đề nghị UBND tỉnh Hà Nam chỉ đạo:

- Kiến nghị: Sở Nội vụ theo dõi và quản lý đầy đủ đối tượng lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

Thực hiện: Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 7/8/2017 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức, hợp đồng lao động theo nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính nhà nước và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017.

- Kiến nghị: Các huyện chấn chỉnh và chấm dứt tình trạng bố trí kinh phí cho lao động hợp đồng ngoài chỉ tiêu biên chế được giao; sử dụng biên chế viên chức của các đơn vị sự nghiệp công để làm công việc quản lý hành chính.

Thực hiện: Các huyện đã chấn chỉnh rút kinh nghiệm; năm 2018 tỉnh đã xét tuyển vào công chức và viên chức nên không còn tình trạng hợp đồng (Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 7/8/2017; Quyết định số 1998/QĐ-UBND ngày 17/11/2017)

- Kiến nghị: Các đơn vị được kiểm toán thực hiện công tác kế toán, xây dựng quy chế quản lý tài sản và thực hiện chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản hàng năm theo quy định.

Thực hiện: các đơn vị đã xây dựng và thực hiện theo đúng quy định.

- Kiến nghị: Huyện Thanh Liêm rút kinh nghiệm trong việc sử dụng kinh phí từ nguồn thu tiền sử dụng đất cho chi thường xuyên.

Thực hiện: Huyện đã họp và rút kinh nghiệm

#### 4.3. Trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng

##### a) Đề nghị UBND tỉnh Hà Nam chỉ đạo:

- Kiến nghị: Các Sở, Ban, Ngành rà soát, tạm dừng việc phê duyệt khởi công mới các dự án chưa thực sự cấp bách, khi chưa hoàn thành xử lý nợ XDCB theo đúng quy định tại Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 10/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ; Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục tổ chức rà soát, thống kê các dự án hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành, không bố trí được kế hoạch vốn, hoặc bố trí vốn chưa đầy đủ, để có biện pháp điều chuyển, tập trung vốn cho các công trình đã hoàn thành theo Luật Đầu tư công và các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đầu tư công và xử lý nợ XDCB.

Thực hiện: Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

- Kiến nghị: Sở Tài chính chủ trì phối hợp với KBNN Hà Nam rà soát số liệu về ứng trước vốn cho các dự án đầu tư còn sai lệch giữa số liệu của Sở Tài chính và KBNN Hà Nam.

Thực hiện: đã tiến hành rà soát số liệu khớp đúng

- Kiến nghị: Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề điều chỉnh kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước năm 2016, đã bố trí cho dự án GPMB, đầu tư trực giao thông chính và một số hạng mục phụ trợ khu công nghiệp Đồng Văn III - giai đoạn I với số tiền 37.669 triệu đồng, chưa phù hợp về đối tượng được sử dụng nguồn vốn.

Thực hiện: Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước năm 2016 thực hiện CTKCH kênh mương và đường giao thông nông thôn.

- Kiến nghị: Tổ công tác nợ XDChB của Tỉnh và các chủ đầu tư có liên quan rà soát và tổng hợp lại số liệu nợ XDChB trên địa bàn, đảm bảo đầy đủ, chính xác cả số nợ công trình đã hoàn thành nhưng chưa nghiệm thu khối lượng và đề nghị thanh toán, tiếp tục báo cáo trước HĐND Tỉnh, báo cáo TW và có giải pháp tháo gỡ hiệu quả để có thể xử lý được nợ XDChB trên địa bàn.

Thực hiện: Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

- Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước Hà Nam thực hiện quyết toán nguồn vốn trái phiếu Chính phủ với NSTW theo đúng quy định đối với 02 dự án được kiểm toán (Dự án xử lý khẩn cấp sạt lở bờ kết hợp chỉnh trang đô thị đoạn thượng lưu cống Phủ Lý từ cầu Phủ Lý qua QL1A đến cống xả trạm bơm Mễ và Dự án xây dựng công trình đường D4 thuộc khu đô thị mới Nam Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam).

Chưa thực hiện

- Kiến nghị: Ủy ban nhân dân thành phố Phủ Lý: (i) Kết hợp với nhà đầu tư giải quyết dứt điểm và hoàn thành việc giải phóng mặt bằng diện tích đất còn lại trong khu vực dự án Khu hồ A1, xác định chính xác diện tích đất đã hoàn thành công tác GPMB tại Dự án đề nghị với các cơ quan liên quan của tỉnh thực hiện bàn giao đất trên thực địa cho nhà đầu tư để hoàn thành dự án Khu hồ A1 đã được UBND tỉnh chấp thuận (diện tích đất chưa bàn giao thực địa 12.297m<sup>2</sup>); (ii) Rút kinh nghiệm về việc ký hợp đồng BT theo giá trị dự toán của bước thiết kế cơ sở chưa được chi tiết, trong khi thiết kế BVTC-DT đã được các Sở chuyên ngành thẩm định và được nhà đầu tư phê duyệt, dẫn đến giá trị hợp đồng BT chưa sát với thực tế và việc xác định chi phí giải phóng mặt bằng đưa vào hợp đồng có chênh lệch lớn so với phương án đền bù thực tế và các sai sót như kiểm toán nêu trên, dẫn đến việc chậm nộp tiền sử dụng đất vào NSNN số tiền 10.216.632.718 đồng.

Chưa thực hiện

- Các kiến nghị:

+ Các chủ đầu tư, các huyện, thị xã và Sở Tài chính tăng cường thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành theo chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

+ Các chủ đầu tư đôn đốc các nhà thầu, đồng thời phối hợp với Kho bạc nhà nước Hà Nam để thu hồi các khoản tạm ứng đã kéo dài qua nhiều năm (quá hạn) của các dự án đầu tư. Trong trường hợp không có khối lượng hoàn ứng, hoặc dự án đã dừng thực hiện kiên quyết thu hồi hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định.

+ Các chủ đầu tư, ban QLDA có liên quan chấn chỉnh rút kinh nghiệm đối với những hạn chế, sai sót trong công tác lập dự án, công tác khảo sát, lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán, công tác đấu thầu, quản lý tiến độ, quản lý chất

lượng và nghiệm thu, thanh, quyết toán công trình như kết quả kiểm toán chi tiết tại các dự án đã nêu.

+ Các chủ đầu tư dự án đất được kiểm toán hoàn thiện công trình, thực hiện nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, khẩn trương hoàn thiện hồ sơ hoàn công, quyết toán công trình và thanh lý hợp đồng BT theo quy định.

+ Chủ đầu tư, các đơn vị có liên quan chấp hành và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các kết luận, kiến nghị của KTNN.

Thực hiện:

+ Về văn bản chỉ đạo điều hành: Tỉnh Hà Nam đã ban hành Chỉ thị 13/CT-UBND ngày 21/8/2016 của UBND tỉnh về quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy định về quản lý đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

+ Các cơ quan đơn vị trong tỉnh đã nghiêm túc chấp hành quy định của nhà nước, của tỉnh về đầu tư xây dựng, từng bước hạn chế tình trạng đầu tư dàn trải, hạn chế nợ đọng xây dựng cơ bản, nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Kiến nghị: Văn phòng UBND Tỉnh chân chính rút kinh nghiệm liên quan đến việc tham mưu ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Dự án tu bổ, nâng cấp, kiên cố hóa mặt đê Bồi Lại Xá, phường Thanh Tuyền, thành phố Phủ Lý, trong đó phê duyệt hình thức lựa chọn nhà thầu là đấu thầu hạn chế, không căn cứ theo ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, không phù hợp với quy định của Luật đấu thầu.

Chưa thực hiện

- Kiến nghị: Bố trí kế hoạch vốn để thu hồi vốn ứng trước đối với số dư nợ vốn ứng trước kéo dài qua nhiều năm, tính đến niên độ 2016 là 131.261 triệu đồng.

Thực hiện: Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

b) Đề nghị UBND tỉnh rút kinh nghiệm:

- Kiến nghị: Việc còn ứng trước kế hoạch vốn nhưng chưa phân bổ dự toán để hoàn trả; chưa thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật NSNN về ứng trước kế hoạch vốn.

Thực hiện: Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

- Kiến nghị: Việc thực hiện các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ để khắc phục và xử lý dứt điểm nợ đọng XDCB trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện: Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

- Kiến nghị: Việc thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư còn chưa xác định được cụ thể, rõ ràng chi tiết giá trị từng nguồn vốn và kế hoạch bố trí vốn. Việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư đầu năm, điều chỉnh bổ sung trong năm còn có hạn chế, tồn tại như kết quả kiểm toán đã nêu.

Thực hiện: Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

### **5. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách**

Đề nghị UBND tỉnh Hà Nam chỉ đạo:

- Kiến nghị: Sở Tài chính chủ trì tham mưu, trình UBND tỉnh quyết định ban hành quy định sửa đổi hoặc thay thế Quyết định số 251/QĐ-UB ngày 16/3/2000 của UBND tỉnh Hà Nam về việc thành lập tổ tư vấn thẩm tra quyết toán vốn đầu tư, để phù hợp với quy trình, thủ tục thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016, theo hướng rút gọn trình tự thủ tục, đảm bảo thời gian thẩm tra, phê duyệt theo quy định.

Thực hiện: Công văn số 534/UBND-KT ngày 8/3/2018 kiện toàn tổ thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước

- Kiến nghị: Sở NN&PTNT chủ trì tham mưu xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành chủ trương, chính sách về khuyến nông phù hợp với điều kiện địa phương; Xây dựng, phê duyệt và chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án khuyến nông tại địa phương theo quy định tại Điều 23 Nghị định 02/2010/NĐ-CP của ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông; quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và Bộ NN&PTNT hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

Thực hiện: Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 ban hành quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ ngân sách nhà nước...

- Kiến nghị: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu, trình UBND tỉnh quy định lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền; Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực; danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công, làm cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công tính đủ chi phí và các quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.

Thực hiện: Kế hoạch số 1787/KH-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh triển



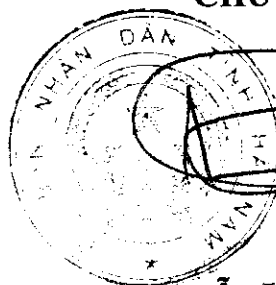
khai thực hiện Nghị quyết số 16/2015/NQ-CP và Công văn số 1535/STC-HCSN ngày 23/8/2016 của Sở Tài chính.

Trên đây là thông báo công khai tình hình thực hiện thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 đến thời điểm 20/3/2018 của tỉnh Hà Nam.

**Nơi nhận:**

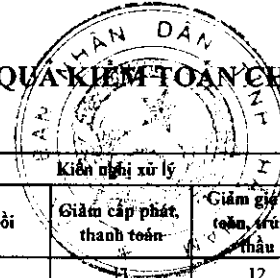
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, TH (H);
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Đông**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CHI ĐÀU TƯ TẠI TỈNH HÀ NAM**



TT	Tên dự án	Ban QLDA	Kiểm nghị xử lý					Kiểm nghị đã xử lý				
			Tổng số	Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá dự toán, trúng thầu	Khác	Tổng số	Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá dự toán, trúng thầu	Khác
A	B	C	9	10	11	12	13					
	<b>Tổng cộng</b>		<b>33.196.945.964</b>	<b>4.592.264.933</b>	<b>12.447.146.621</b>	<b>2.667.928.606</b>	<b>13.489.605.804</b>	<b>10.273.183.202</b>	<b>39.643.000</b>	<b>5.055.033.680</b>	<b>2.654.982.181</b>	<b>2.523.524.341</b>
<b>I</b>	<b>NGÂN SÁCH TỈNH</b>		<b>26.320.206.587</b>	<b>4.552.621.933</b>	<b>7.792.144.939</b>	<b>993.302.911</b>	<b>12.982.136.804</b>	<b>4.033.187.463</b>	<b>-</b>	<b>858.131.211</b>	<b>993.302.911</b>	<b>2.181.753.341</b>
<b>A</b>	<b>Giá trị QT đã được duyệt</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>					
<b>B</b>	<b>Giá trị nghiệm thu QT A- B</b>		<b>25.326.903.676</b>	<b>4.552.621.933</b>	<b>7.792.144.939</b>	<b>0</b>	<b>12.982.136.804</b>	<b>3.039.884.557</b>	<b>-</b>	<b>858.131.211</b>		<b>2.181.753.341</b>
<b>1</b>	Dự án: Nâng cấp các tuyến đường ĐT.978, ĐT.979, ĐT.9028, ĐT.9032 và nhánh nối ĐT.9028 với ĐT.9029 thuộc quy hoạch nâng cấp cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai vùng phân lũ sông Đáy, tỉnh Hà Nam.	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh Hà Nam (Sở Giao thông)	1.021.546.003	954.004.453	67.541.550	0	0	-				
1.1	Chi phí xây lắp		751.750.525	751.750.525				-				
1.2	Chi phí quản lý dự án		202.253.928	202.253.928				-				
1.3	Chi phí kiểm toán		60.478.700		60.478.700			-				
1.4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		7.062.850		7.062.850			-				
<b>2</b>	Dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT 496, Bình Lục (Giai đoạn 1).	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh Hà Nam (Sở Giao thông)	4.509.404.373	51.384.723	4.458.019.650	0	0	-				
2.1	Chi phí xây lắp		51.384.723	51.384.723				-				
2.2	Chi phí quản lý dự án		-					-				
2.3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		4.458.019.650		4.458.019.650			-				
2.4	Chi phí khác		-					-				
<b>3.a</b>	Dự án đầu tư xây dựng đường Lê Công Thanh, giai đoạn 3	Ban quản lý Khu Đại học Nam Cao	2.329.338.981		147.585.640	0	2.181.753.341	2.329.338.981		147.585.640		2.181.753.341
<b>4.a</b>	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Đại học Nam Cao, giai đoạn 2	Ban quản lý Khu Đại học Nam Cao	563.737.571		563.737.571			563.737.571		563.737.571		
<b>5</b>	Xây dựng CSHT vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Mộc Bắc	BQLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh Hà Nam	391.289.703	11.780.310	379.509.393	0	0	-				
5.1	Chi phí xây dựng (gồm cả hạng mục chung)		304.778.000		304.778.000			-				
5.2	chi phí QLDA		24.802.088		24.802.088			-				
5.3	Chi phí TVĐT		44.450.505		44.450.505			-				

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CHI ĐẦU TƯ TẠI TỈNH HÀ NAM

TT	Tên dự án	Ban QLDA	Kiến nghị xử lý					Kiến nghị đã xử lý				
			Tổng số	Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá dự toán, trúng thầu	Khác	Tổng số	Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá dự toán, trúng thầu	Khác
A	B	C	9	10	11	12	13					
5.4	Chi phí khác		17.259.110	11.780.310	5.478.800			-				
6	Nạo vét sông Sắt đoạn từ cầu Sắt đến đập Mỹ Đô tỉnh Hà Nam	BQLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh Hà Nam	385.251.565	349.198.000	0	0	36.053.565	-				
6.1	Chi phí xây dựng		385.251.565	349.198.000			36.053.565	-				
6.2	chi phí QLDA		-					-				
6.3	Chi phí TVĐT		-					-				
6.4	Chi phí khác		-					-				
7a	Dự án đầu tư xử lý khẩn cấp chống sạt lở và tu bổ, nâng cấp tuyến đê tả sông Đáy đoạn từ K88 đến K137+516 tỉnh Hà Nam	BQLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh Hà Nam	146.808.000	0	146.808.000	0	0	146.808.000		146.808.000	-	
7a.1	Chi phí xây dựng		146.808.000		146.808.000			146.808.000		146.808.000		
7a.2	Chi phí QLDA		-	0	0	0		-				
7a.3	Chi phí TVĐT		-	0				-				
7a.4	Chi phí khác		-	0				-				
8	Dự án xử lý khẩn cấp sạt lở bờ kết hợp chỉnh trang đô thị đoạn thượng lưu công Phủ Lý từ cầu Phủ Lý qua QL1A đến công xã trạm bơm Mễ	Ban QLDA ĐTXD công trình Thành phố Phủ Lý	11.979.723.586	2.306.640.554	65.962.287	0	9.607.120.745	-				
8.1	Chi phí xây dựng		11.895.724.275	2.288.603.530			9.607.120.745	-				
8.2	chi phí QLDA		-					-				
8.3	Chi phí TVĐT		67.026.208	1.063.921	65.962.287			-				
8.4	Chi phí khác		16.973.103	16.973.103				-				
9	Dự án San nền, HTKT Cụm công nghiệp Kiện Khê I mở rộng	Ban QLDA ĐTXD công trình Thành phố Phủ Lý	1.583.998.484	6.470.360	1.577.528.124	0	0	-				
9.1	Chi phí xây dựng		1.399.749.000		1.399.749.000			-				
9.2	Chi phí QLDA		-					-				
9.3	Chi phí TVĐT		75.536.268	6.470.360	69.065.908			-				
9.4	Chi phí khác		108.713.216		108.713.216			-				
10	Dự án HTKT khu TBC phục vụ GPMB đường Lê Công thanh GD3 xã Tiên Hiệp	Ban QLDA ĐTXD công trình Thành phố Phủ Lý	178.605.301	0	178.605.301	0	0	-				
10.1	Chi phí xây dựng		169.606.000		169.606.000			-				

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CHI ĐẦU TƯ TẠI TỈNH HÀ NAM

TT	Tên dự án	Ban QLDA	Kiến nghị xử lý					Kiến nghị đã xử lý				
			Tổng số	Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá dự toán, trúng thầu	Khác	Tổng số	Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá dự toán, trúng thầu	Khác
A	B	C	9	10	11	12	13					
10.2	Chi phí QLDA		-									
10.3	Chi phí TVĐT		6.547.803		6.547.803							
10.4	Chi phí khác		2.451.498		2.451.498							
11	Dự án Xây dựng công trình đường D4 thuộc khu đô thị mới Nam Trần Hưng Đạo - thành phố Phủ Lý - tỉnh Hà Nam	Ban QLDA ĐTXD công trình Thành phố Phủ Lý	2.098.484.109	873.143.533	68.131.423	0	1.157.209.153					
11.1	Chi phí xây dựng		1.951.021.686	793.812.533			1.157.209.153					
11.2	Chi phí QLDA		79.331.000	79.331.000								
11.3	Chi phí TVĐT		68.131.423		68.131.423							
11.4	Chi phí khác		-									
12	Dự án: Xây dựng HTKT khu ĐDC để GPMB xây dựng cầu Liêm Chính, đường D4-N7 phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý	Ban QLDA ĐTXD công trình Thành phố Phủ Lý	138.716.000	0	138.716.000	0	0					
12.1	Chi phí xây dựng		138.716.000		138.716.000							
12.2	Chi phí QLDA		-									
12.3	Chi phí TVĐT		-									
12.4	Chi phí khác		-									
C	Phần còn lại của hợp đồng (Giá trúng thầu)		993.302.911	0	0	993.302.911	0	993.302.911			993.302.911	
3.b	Dự án đầu tư xây dựng đường Lê Công Thanh, giai đoạn 3	Ban quản lý Khu Đại học Nam Cao	171.331.414			171.331.414		171.331.414			171.331.414	
4.b	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Đại học Nam Cao, giai đoạn 2	Ban quản lý Khu Đại học Nam Cao	52.031.497			52.031.497		52.031.497			52.031.497	
7b	Phần còn lại hợp đồng Gói thầu xây lắp Dự án đầu tư xử lý khẩn cấp chống sạt lở và tu bổ, nâng cấp tuyến đê tả sông Đáy đoạn từ K88 đến K137+516 tỉnh Hà Nam	BQLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh Hà Nam	769.940.000			769.940.000		769.940.000			769.940.000	
II	NGÂN SÁCH HUYỆN		6.876.739.377	39.643.000	4.655.001.682	1.674.625.695	507.469.000	6.239.995.739	39.643.000	4.196.902.469	1.661.679.270	341.771.000
A	Giá trị QT đã được duyệt		1.034.788.533	0	287.079.000	0	0	1.034.788.533	39.643.000	995.145.533	-	-
1	Dự án đầu tư xây dựng đơn nguyên nhà làm việc kết hợp phòng họp Huyện ủy, HĐND - UBND	UBND huyện Thanh Liêm/ Ban QLDA ĐTXD Huyện	287.079.000	0	287.079.000	0	0	287.079.000		287.079.000		
1.1	Chi phí Tư vấn		-									
1.2	Chi phí xây lắp (Gói 3)		287.079.000		287.079.000			287.079.000		287.079.000		
1.3	Chi phí QLDA		-									
1.4	Chi phí khác		-									

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CHI ĐẦU TƯ TẠI TỈNH HÀ NAM

TT	Tên dự án	Ban QLDA	Kiến nghị xử lý					Kiến nghị đã xử lý				
			Tổng số	Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá dự toán, trúng thầu	Khác	Tổng số	Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá dự toán, trúng thầu	Khác
A	B	C	9	10	11	12	13					
2	Dự án Đường cứu hộ, cứu nạn xã Chân Lý huyện Lý Nhân (GD1)	UBND huyện Lý Nhân	708.066.533	0	708.066.533	0	0	708.066.533	-	708.066.533	-	-
2.1	Chi phí xây dựng		708.066.533		708.066.533			708.066.533		708.066.533		
3	Dự án: Cải tạo, sửa chữa đường ĐH.02 huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam đoạn từ Km 0+00 (giáp đường ĐT496) đến Km 3+800	UBND huyện Bình Lục	39.643.000	39.643.000	0	0	0	39.643.000	39.643.000			
3.1	Chi phí xây dựng		39.643.000	39.643.000	0	0	0	-				
B	Giá trị nghiệm thu QT A- B		3.659.856.149					3.201.756.936	-	3.201.756.936	-	-
4a	Dự án ĐTXD đường kết nối hạ tầng xung quanh và hoàn trả kênh mương bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án XD cơ sở 2 - Bệnh viện Bạch Mai. Phần thực hiện Giai đoạn I	UBND huyện Thanh Liêm/ Ban QLDA ĐTXD Huyện	886.788.000	0	886.788.000	0	0	886.788.000	-	886.788.000	-	-
4a.1	Chi phí Xây lắp GĐI: Gói thầu 04		886.788.000		886.788.000			886.788.000		886.788.000		
4a.2	Chi phí Tư vấn		-		-			-		-		
4a.3	Chi phí QLDA		-		-			-		-		
4a.4	Chi phí khác		-		-			-		-		
4a.5	Đền bù, GPMB		-		-			-		-		
5a	Dự án ĐTXD san nền, hạ tầng kỹ thuật mở rộng cụm công nghiệp Kien Khê I (Phần thực hiện Giai đoạn I)	UBND huyện Thanh Liêm/ Ban QLDA ĐTXD Huyện	635.809.000	0	635.809.000	0	0	635.809.000	-	635.809.000	-	-
5a.1	Gói thầu xây lắp 03: Xây lắp GĐI		635.809.000		635.809.000			635.809.000		635.809.000		
5a.2	Chi phí Tư vấn		-		-			-		-		
5a.3	Chi phí QLDA		-		-			-		-		
5a.4	Chi phí khác		-		-			-		-		
5a.5	Đền bù, GPMB		-		-			-		-		
6	Dự án: Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường huyện ĐH 11 huyện Lý Nhân tuyến Lam Cầu - Chợ Chanh	UBND huyện Lý Nhân	405.329.908	0	405.329.908	0	0	405.329.908	-	405.329.908	-	-
	Chi phí xây dựng		405.329.908		405.329.908		0	405.329.908		405.329.908		
7.a	Dự án: Đầu tư XD Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.04 (Tuyến Đốc Lưu – Chợ Quán)	UBND huyện Lý Nhân	1.183.599.311	0	1.183.599.311	0	0	1.183.599.311	-	1.183.599.311	-	-
	Chi phí xây dựng		1.183.599.311		1.183.599.311		0	1.183.599.311		1.183.599.311		
8	Dự án: Xây dựng trụ sở nhà làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Trung Lương+B26	UBND xã Trung Lương (Huyện Bình Lục)	67.160.717	0	67.160.717	0	0	67.160.717	-	67.160.717	-	-

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CHI ĐẦU TƯ TẠI TỈNH HÀ NAM

TT	Tên dự án	Ban QLDA	Kiến nghị xử lý					Kiến nghị đã xử lý				
			Tổng số	Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá dự toán, trúng thầu	Khác	Tổng số	Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá dự toán, trúng thầu	Khác
A	B	C	9	10	11	12	13					
	Chi phí xây dựng		67.160.717	0	67.160.717	0	0					
9.a	Dự án: Đầu tư xây dựng Trường THPT Nguyễn Khuyến, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Trường THPT Nguyễn Khuyến (Huyện Bình Lục)	458.099.213	0	458.099.213	0	0					
	Chi phí xây dựng		458.099.213	0	458.099.213	0	0					
10.a	Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đê hữu sông Sắt đoạn từ đập An Bài đến Vĩnh Tứ, Hà Nam	UBND huyện Bình Lục	23.070.000	0	23.070.000	0	0	23.070.000		23.070.000		
	Chi phí xây dựng		23.070.000	0	23.070.000	0	0	23.070.000		23.070.000		
C	KIỂM TOÁN GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG CÒN LẠI (GIÁ TRÚNG THẦU)		2.182.094.695	0	0	1.674.625.695	507.469.000	2.003.450.270			1.661.679.270	341.771.000
4b	Dự án ĐTXD đường kết nối hạ tầng xung quanh và hoàn trả kênh mương bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án XD cơ sở 2 - Bệnh viện Bạch Mai. Phần thực hiện Giai đoạn II		1.004.145.000	0	0	496.676.000	507.469.000	838.447.000			496.676.000	341.771.000
4b.1	Gói thầu xây lắp 02: Xây lắp GĐII	UBND huyện Thanh Liêm/ Ban QLDA ĐTXD Huyện	1.004.145.000			496.676.000	507.469.000	838.447.000			496.676.000	341.771.000
4b.2	Chi phí Tư vấn		-									
4b.3	Chi phí QLDA		-									
4b.4	Chi phí khác		-									
4b.5	Đền bù, GPMB		-									
5b	Dự án ĐTXD san nền, hạ tầng kỹ thuật mở rộng cụm công nghiệp Kịen Khê I. Phần thực hiện Giai đoạn II		560.989.000	0	0	560.989.000	0	560.989.000			560.989.000	
5b.1	Gói thầu xây lắp 03: Xây lắp GĐII	UBND huyện Thanh Liêm/ Ban QLDA ĐTXD Huyện	560.989.000			560.989.000		560.989.000			560.989.000	
5b.2	Chi phí Tư vấn		-									
5b.3	Chi phí QLDA		-									
5b.4	Chi phí khác		-									
5b.5	Đền bù, GPMB		-									
7b	Dự án: Đầu tư XD Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.04 (Tuyến Đốc Lưu - Chợ Quán)	UBND huyện Lý Nhân	142.995.270	0	0	142.995.270	0	142.995.270			142.995.270	
	Chi phí xây dựng		142.995.270			142.995.270	0	142.995.270			142.995.270	

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CHI ĐÀU TƯ TẠI TỈNH HÀ NAM

TT	Tên dự án	Ban QLDA	Kiến nghị xử lý					Kiến nghị đã xử lý					
			Tổng số	Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá dự toán, trúng thầu	Khác	Tổng số	Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá dự toán, trúng thầu	Khác	
A	B	C	9	10	11	12	13						
9.b	Dự án: Đầu tư xây dựng Trường THPT Nguyễn Khuyến, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Trường THPT Nguyễn Khuyến	12.946.424	0	0	12.946.424	0	-					
	Chi phí xây dựng		12.946.424	0	0	12.946.424	0	-					
10.b	Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đê hữu sông Sắt đoạn từ đập An Bài đến Vĩnh Tứ, Hà Nam	UBND huyện Bình Lục	461.019.000	0	0	461.019.000	0	461.019.000			461.019.000		
	Chi phí xây dựng		461.019.000	0	0	461.019.000	0	-					
	<b>Tổng cộng các DẠTXD</b>		<b>33.196.945.964</b>	<b>4.592.264.933</b>	<b>12.447.146.621</b>	<b>2.667.928.606</b>	<b>13.489.605.804</b>	-					
	<b>Dự án theo hình thức BT</b>												
A	<b>Dự án: Sân vận động thi trấn Đông Văn và hạ tầng khu đất xung quanh</b>												
I	Chi phí xây dựng												
1	Hạ tầng khu đất xung quanh												
2	Khu sân vận động Đông Văn												
3	Phần cung cấp điện												
II	Chi phí quản lý dự án												
III	Chi phí tư vấn đầu tư												
IV	Chi phí khác												
V	Chi phí giải phóng mặt bằng												
B	<b>Dự án khu Hồ A1</b>												
I	Chi phí xây lắp + thiết bị												
1	Dự toán ban đầu												
a	Hạ tầng kỹ thuật quanh hồ												
b	Phần đường 30m												
2	Phần bổ sung 1,08ha												
3	Phần điều chỉnh lần 2												
II	Thiết bị												
III	Chi phí quản lý dự án												
IV	Chi phí tư vấn đầu tư												
V	Chi phí khác												
VI	Chi phí giải phóng mặt bằng												
VII	Chi phí lãi vay												
	<b>TỔNG CỘNG DA BT</b>												

Ghi chú:

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CHI ĐÀU TƯ TẠI TỈNH HÀ NAM

TT	Tên dự án	Ban QLDA	Kiến nghị xử lý					Kiến nghị đã xử lý				
			Tổng số	Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá dự toán, trúng thầu	Khác	Tổng số	Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá dự toán, trúng thầu	Khác
A	B	C	9	10	11	12	13					

**1 Tổng giá trị KTNN xác định chênh lệch: 32.430.413.557đ; tổng giá trị KTNN kiến nghị xử lý tài chính**

- 1.1 Chi phí quản lý dự án tại Dự án Nâng cấp các tuyến đường ĐT.978, ĐT.979, ĐT.9028, ĐT.9032 và nhánh nối
- 1.2 Chi phí xây dựng tại Dự án Nạo vét sông Sắt đoạn từ cầu Sắt đến đập Mỹ Đô tỉnh Hà Nam số thanh toán lớn hơn giá
- 1.3 Chi phí xây dựng tại Dự án xử lý khẩn cấp sạt lở bờ kết hợp chỉnh trang đô thị đoạn thượng lưu cống Phú Lý từ cầu
- 1.4 Chi phí quản lý dự án tại Dự án Xây dựng công trình đường D4 thuộc khu đô thị mới Nam Trần Hưng Đạo - thành

**2 Kiến nghị xử lý khác: 13.152.120.309đ bao gồm**

- 2.1 **Dự án xử lý khẩn cấp sạt lở bờ kết hợp chỉnh trang đô thị đoạn thượng lưu cống Phú Lý từ cầu Phú Lý qua**
  - + Phần đất đắp và thả đá học gói thầu số 04 chưa đủ hồ sơ do bị dừng thi công số tiền 5.467.791.931đ, đề nghị
  - + Phần cọc bê tông đã đúc gói thầu số 04 (2.517.916.710đ) nhưng không sử dụng đã chuyển sang dự án khác;
  - + Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu thiết bị trạm lặn, xà lan, và tàu kéo số tiền 1.319.980.174đ đề thanh, quyết
- 2.2 **Dự án xây dựng công trình đường D4 thuộc khu đô thị mới Nam Trần Hưng Đạo, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà**
- 2.3 **Dự án ĐTXD đường kết nối hạ tầng xung quanh và hoàn trả kênh mương bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án**
  - (1) Công tác làm móng CP đá dăm mặt đường: Mặt cắt ngang điển hình thiết kế không rải móng cấp phối đá dăm  
Nếu không tính KL rải móng phạm vi dưới rãnh đan thì giá trị Hợp đồng giảm 165.698.000đ  
=> Xử lý khác: Giao chủ đầu tư thống nhất thiết kế phạm vi rải các lớp cấp phối đá dăm làm móng mặt đường giữa
  - (2) Công tác Sản xuất BTN hạt trung: Định mức sản xuất tính với hàm lượng nhựa 5,5% chưa phù hợp với khuyến  
Nếu tính với hàm lượng nhựa khuyến nghị 5% thì chi phí giảm 341.770.457đ  
=> Xử lý khác: Đề nghị Chủ đầu tư thực hiện nghiên cứu, xem xét việc thực hiện Công văn 9297/BGTVT-KHCN
- 2.4 **Dự án đầu tư xây dựng đường Lê Công Thanh, giai đoạn 3: 2.181.753.341đ**
  - Tư vấn thiết kế khi thiết kế tại vị trí đắp bao phần đắp bù lún bằng cát là chưa hợp lý về mặt kỹ thuật, trong quá



Phụ lục số 07/BCKT-NSDP

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên dự án	Ban QLDA	Kiến nghị chưa xử lý					Ghi chú
			Tổng số	Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá dự toán, trúng thầu	Khác	
A	B	C						
	<b>Tổng cộng</b>		<b>22.923.762.762</b>	<b>4.552.621.933</b>	<b>7.392.112.941</b>	<b>12.946.424</b>	<b>10.966.081.463</b>	
<b>I</b>	<b>NGÂN SÁCH TỈNH</b>		<b>22.287.019.124</b>	<b>4.552.621.933</b>	<b>6.934.013.728</b>	<b>-</b>	<b>10.800.383.463</b>	
<b>A</b>	<b>Giá trị QT đã được duyệt</b>							
<b>B</b>	<b>Giá trị nghiệm thu QT A- B</b>		<b>22.287.019.124</b>	<b>4.552.621.933</b>	<b>6.934.013.728</b>	<b>-</b>	<b>10.800.383.463</b>	
1	Dự án: Nâng cấp các tuyến đường ĐT.978, ĐT.979, ĐT.9028, ĐT.9032 và nhánh nối ĐT.9028 với ĐT.9029 thuộc quy hoạch nâng cấp cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai vùng phân lũ sông Đáy, tỉnh Hà Nam.	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh Hà Nam (Sở Giao thông)	1.021.546.003	954.004.453	67.541.550	-	-	
1.1	Chi phí xây lắp		751.750.525	751.750.525	-	-	-	
1.2	Chi phí quản lý dự án		202.253.928	202.253.928	-	-	-	
1.3	Chi phí kiểm toán		60.478.700	-	60.478.700	-	-	
1.4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		7.062.850	-	7.062.850	-	-	
2	Dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT 496, Bình Lục (Giai đoạn 1).	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh Hà Nam (Sở Giao thông)	4.509.404.373	51.384.723	4.458.019.650	-	-	
2.1	Chi phí xây lắp		51.384.723	51.384.723	-	-	-	
2.2	Chi phí quản lý dự án		-	-	-	-	-	
2.3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		4.458.019.650	-	4.458.019.650	-	-	
2.4	Chi phí khác		-	-	-	-	-	
3.a	Dự án đầu tư xây dựng đường Lê Công Thanh, giai đoạn 3	Ban quản lý Khu Đại học Nam Cao	-	-	-	-	-	Số tiền 147.586.000: Điều chỉnh giảm tại PLHD số 01-7/PLHD-XD ngày 15/12/2017; Số tiền: 60.490.000đ Điều chỉnh giảm 87.096.000đ tại PLHD 01-3/PLHD-XD ngày 18/12/2017; Số tiền 2.181.753.341: PLHD số 01-3/PLHD-XD ngày 18/12/2017
4.a	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Đại học Nam Cao, giai đoạn 2	Ban quản lý Khu Đại học Nam Cao	-	-	-	-	-	PLHD 18-2/PLHD/2017/HĐ-XD ngày 12/12/2017 (337.322.000đ); PLHD 28-2/PLHD/2017/HĐ-XD ngày 13/12/2017 (226.416.000 đ)
5	Xây dựng CSHT vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Mộc Bắc	BQLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh Hà Nam	391.289.703	11.780.310	379.509.393	-	-	
5.1	Chi phí xây dựng (gồm cả hạng mục chung)		304.778.000	-	304.778.000	-	-	
5.2	chi phí QLDA		24.802.088	-	24.802.088	-	-	
5.3	Chi phí TVĐT		44.450.505	-	44.450.505	-	-	

Phụ lục số 07/BCKT-NSDP

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên dự án	Ban QLDA	Kiến nghị chưa xử lý					Ghi chú
			Tổng số	Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá dự toán, trúng thầu	Khác	
A	B	C						
5.4	Chi phí khác		17.259.110	11.780.310	5.478.800	-	-	
6	Nạo vét sông Sắt đoạn từ cầu Sắt đến đập Mỹ Đô tỉnh Hà Nam	BQLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh Hà Nam	385.251.565	349.198.000	-	-	36.053.565	
6.1	Chi phí xây dựng		385.251.565	349.198.000	-	-	36.053.565	
6.2	chi phí QLDA		-	-	-	-	-	
6.3	Chi phí TVĐT		-	-	-	-	-	
6.4	Chi phí khác		-	-	-	-	-	
7a	Dự án đầu tư xử lý khẩn cấp chống sạt lở và tu bổ, nâng cấp tuyến đê tả sông Đáy đoạn từ K88 đến K137+516 tỉnh Hà Nam	BQLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh Hà Nam	-	-	-	-	-	
7a.1	Chi phí xây dựng		-	-	-	-	-	
7a.2	Chi phí QLDA		-	-	-	-	-	
7a.3	Chi phí TVĐT		-	-	-	-	-	
7a.4	Chi phí khác		-	-	-	-	-	
8	Dự án xử lý khẩn cấp sạt lở bờ kết hợp chỉnh trang đô thị đoạn thượng lưu công Phú Lý từ cầu Phú Lý qua QL1A đến công xã trạm bơm Mễ	Ban QLDA ĐTXD công trình Thành phố Phú Lý	11.979.723.586	2.306.640.554	65.962.287	-	9.607.120.745	
8.1	Chi phí xây dựng		11.895.724.275	2.288.603.530	-	-	9.607.120.745	
8.2	chi phí QLDA		-	-	-	-	-	
8.3	Chi phí TVĐT		67.026.208	1.063.921	65.962.287	-	-	
8.4	Chi phí khác		16.973.103	16.973.103	-	-	-	
9	Dự án San nền, HTKT Cụm công nghiệp Kịen Khê 1 mở rộng	Ban QLDA ĐTXD công trình Thành phố Phú Lý	1.583.998.484	6.470.360	1.577.528.124	-	-	
9.1	Chi phí xây dựng		1.399.749.000	-	1.399.749.000	-	-	
9.2	Chi phí QLDA		-	-	-	-	-	
9.3	Chi phí TVĐT		75.536.268	6.470.360	69.065.908	-	-	
9.4	Chi phí khác		108.713.216	-	108.713.216	-	-	
10	Dự án HTKT khu TĐC phục vụ GPMB đường Lê Công thanh GD3 xã Tiên Hiệp	Ban QLDA ĐTXD công trình Thành phố Phú Lý	178.605.301	-	178.605.301	-	-	
10.1	Chi phí xây dựng		169.606.000	-	169.606.000	-	-	

Phụ lục số 07/BCKT-NSDP

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên dự án	Ban QLDA	Kiến nghị chưa xử lý					Ghi chú
			Tổng số	Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá dự toán, trúng thầu	Khác	
A	B	C						
10.2	Chi phí QLDA		-	-	-	-	-	
10.3	Chi phí TVĐT		6.547.803	-	6.547.803	-	-	
10.4	Chi phí khác		2.451.498	-	2.451.498	-	-	
11	Dự án Xây dựng công trình đường D4 thuộc khu đô thị mới Nam Trần Hưng Đạo - thành phố Phủ Lý - tỉnh Hà Nam	Ban QLDA ĐTXD công trình Thành phố Phủ Lý	2.098.484.109	873.143.533	68.131.423	-	1.157.209.153	
11.1	Chi phí xây dựng		1.951.021.686	793.812.533	-	-	1.157.209.153	
11.2	Chi phí QLDA		79.331.000	79.331.000	-	-	-	
11.3	Chi phí TVĐT		68.131.423	-	68.131.423	-	-	
11.4	Chi phí khác		-	-	-	-	-	
12	Dự án: Xây dựng HTKT khu TĐC để GPMB xây dựng cầu Liêm Chính, đường D4-N7 phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý	Ban QLDA ĐTXD công trình Thành phố Phủ Lý	138.716.000	-	138.716.000	-	-	
12.1	Chi phí xây dựng		138.716.000	-	138.716.000	-	-	
12.2	Chi phí QLDA		-	-	-	-	-	
12.3	Chi phí TVĐT		-	-	-	-	-	
12.4	Chi phí khác		-	-	-	-	-	
C	Phần còn lại của hợp đồng (Giá trúng thầu)		-	-	-	-	-	
3.b	Dự án đầu tư xây dựng đường Lê Công Thanh, giai đoạn 3	Ban quản lý Khu Đại học Nam Cao	-	-	-	-	-	PLHĐ 01-7/PLHĐ-XD ngày 15/12/2017
4.b	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Đại học Nam Cao, giai đoạn 2	Ban quản lý Khu Đại học Nam Cao	-	-	-	-	-	PLHĐ 28-2/PLHĐ/2017/HĐ-XD ngày 13/12/2017
7b	Phần còn lại hợp đồng Gói thầu xây lắp Dự án đầu tư xử lý khẩn cấp chống sạt lở và tu bổ, nâng cấp tuyến đê tả sông Đáy đoạn từ K88 đến K137+516 tỉnh Hà Nam	BQLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT tỉnh Hà Nam	-	-	-	-	-	
II	NGÂN SÁCH HUYỆN		636.743.637	-	458.099.213	12.946.424	165.698.000	
A	Giá trị QT đã được duyệt		-	-	-	-	-	
1	Dự án đầu tư xây dựng đơn nguyên nhà làm việc kết hợp phòng họp Huyện ủy, HĐND - UBND	UBND huyện Thanh Liêm/ Ban QLDA ĐTXD Huyện	-	-	-	-	-	
1.1	Chi phí Tư vấn		-	-	-	-	-	
1.2	Chi phí xây lắp (Gói 3)		-	-	-	-	-	
1.3	Chi phí QLDA		-	-	-	-	-	
1.4	Chi phí khác		-	-	-	-	-	